

Số: 01 /2026/NQ-HĐND

Cao Lộc, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi, nội dung chi trong xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã,
Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc
hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi
hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm
2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây
 dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân xã về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã quy định tổng mức chi,
nội dung chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc; Báo cáo thẩm
tra của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi, nội dung
chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng
nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi, nội dung chi trong xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của
Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị

định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi, nội dung chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế thì áp dụng như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Trường hợp xây dựng quyết định quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật quy định tương ứng quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cụ thể cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã được quy định theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân xã kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Cao Lộc khóa II, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thiều

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cao Lộc)

A. TỔNG MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG MỚI HOẶC BAN HÀNH VĂN BẢN THAY THẾ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

*Đơn vị tính:
Đồng*

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình cấp có thẩm quyền	Nhiệm vụ thẩm tra
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	10.000.000	5.500.000	1.300.000	1.200.000	2.000.000
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã	8.000.000	5.500.000	1.300.000	1.200.000	0

B. ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN; THẨM TRA DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND XÃ, UBND XÃ

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		5.500.000	5.500.000
1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	500.000	500.000
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.500.000	2.500.000
3	Tổ chức họp tham gia ý kiến hoặc lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự thảo văn bản; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan ngoài cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo.	Biên bản và danh sách tham gia họp hoặc văn bản tham gia ý kiến	1.000.000	1.000.000
4	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	500.000	500.000
5	Xây dựng văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn thẩm định	Văn bản đề nghị thẩm định	500.000	500.000
6	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	500.000	500.000

B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		1.300.000	1.300.000
1	Trường hợp tự thẩm định			
	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	1.300.000	1.300.000
2	Tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng văn bản hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định			
a)	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định	Biên bản cuộc họp, danh sách tham gia họp	800.000	800.000
b)	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	500.000	500.000
C	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		1.200.000	1.200.000
1	Tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau thẩm định	Ý kiến của Văn phòng HĐND và UBND xã đối với hồ sơ dự thảo	200.000	200.000
2	Hoàn thiện, trình hồ sơ sau khi có ý kiến của thành viên UBND xã, lãnh đạo UBND xã hoặc cơ quan có thẩm quyền	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND hoặc cơ quan có thẩm quyền phạm pháp luật	500.000	500.000
3	Chủ tịch UBND xã ký ban hành Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã	500.000	500.000
D	NHIỆM VỤ THẨM TRA		2.000.000	0
1	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, xây dựng các văn bản phục vụ công tác thẩm tra dự thảo nghị quyết	Công văn, kế hoạch, giấy mời hoặc hồ sơ phục vụ thẩm tra	500.000	-

2	Xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết	Báo cáo thẩm tra	500.000	-
3	Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định đưa ra kỳ họp Hội đồng nhân dân xã	Văn bản, kết luận	500.000	
4	Hoàn thiện dự thảo nghị quyết và ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	500.000	-
	TỔNG CỘNG		10.000.000	8.000.000